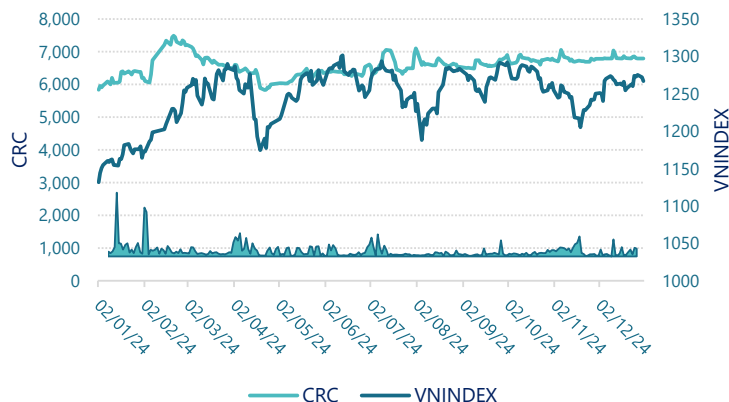




CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	6,790
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,490
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,830
SL cổ phiếu LH	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	474,720
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	407
P/E	6.3
EPS	1,075

DT thuần

Q4/24

125

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.0 | 25.0%

YoY: ▲ 22.0 | 21.4%

LN sau thuế

Q4/24

11.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.43 | 25.2%

YoY: ▲ 5.39 | 82.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

19.1%

+/- YoY: ▲ 6.1%

DT thuần

2024

447

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 93.0 | 26.2%

LN sau thuế

2024

66.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.2 | 127%

ROE

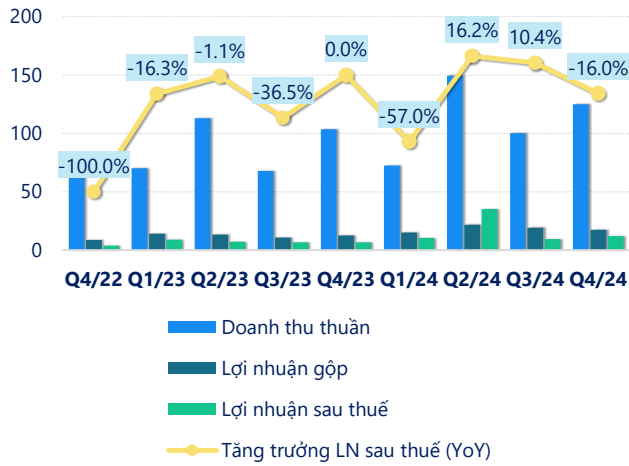
2024

10.6%

+/- YoY: ▲ 3.1%

tỷ VNĐ

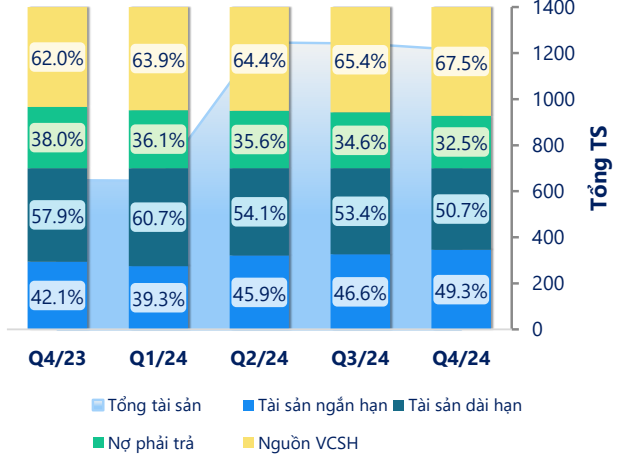
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

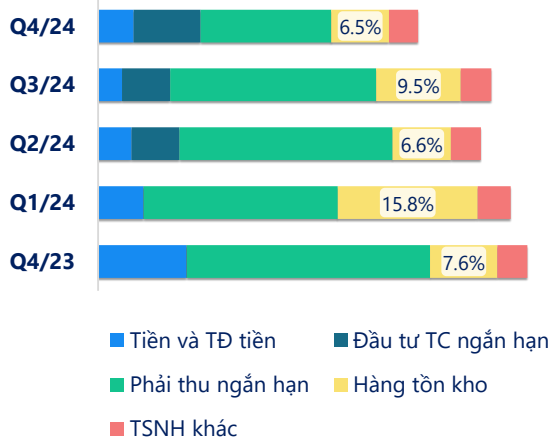
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



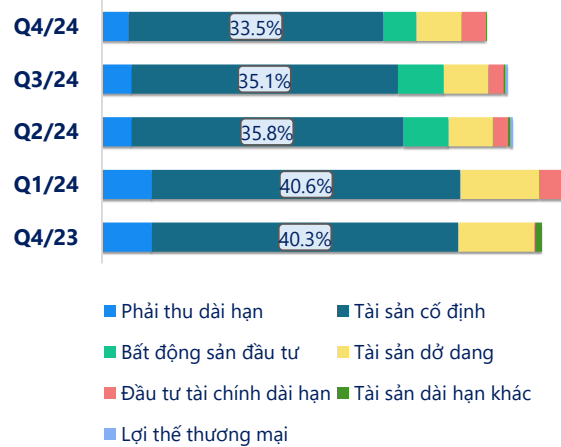
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

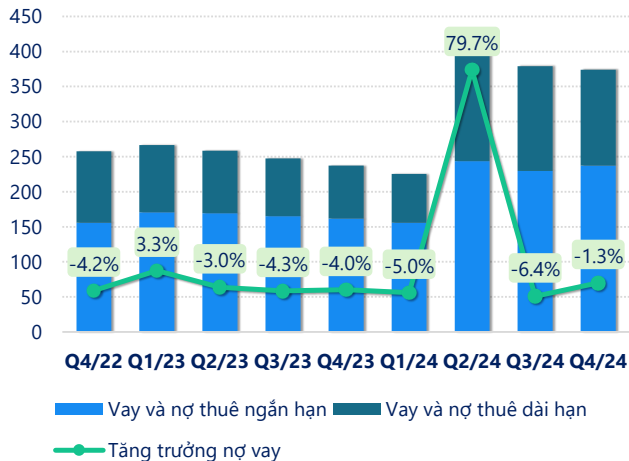
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

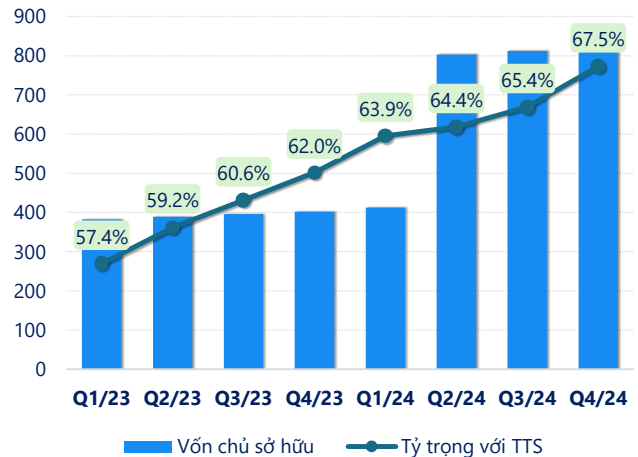
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

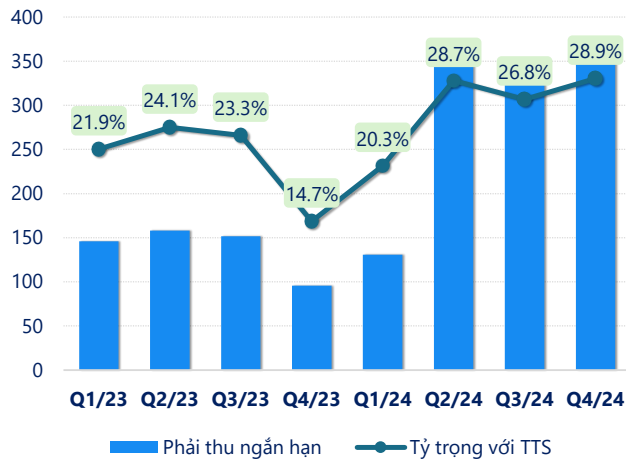
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



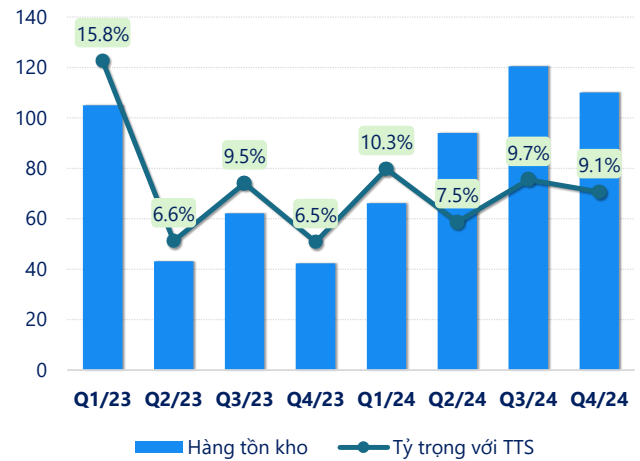
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


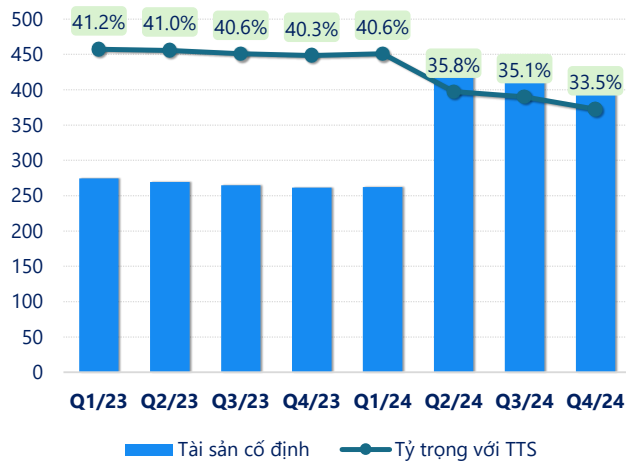
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


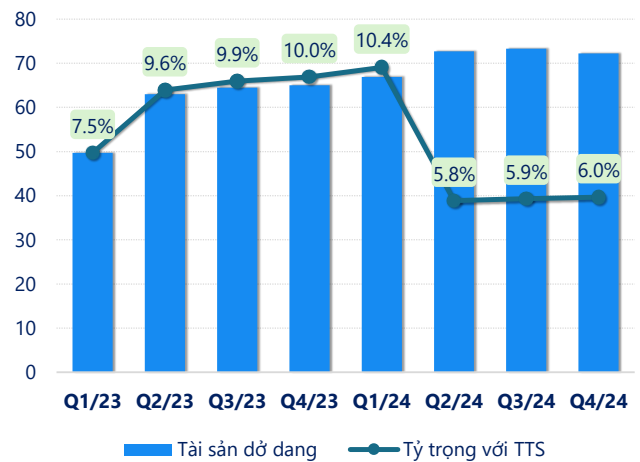
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

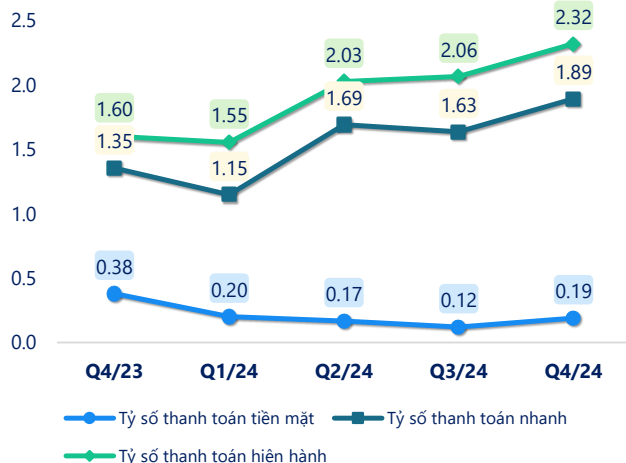
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

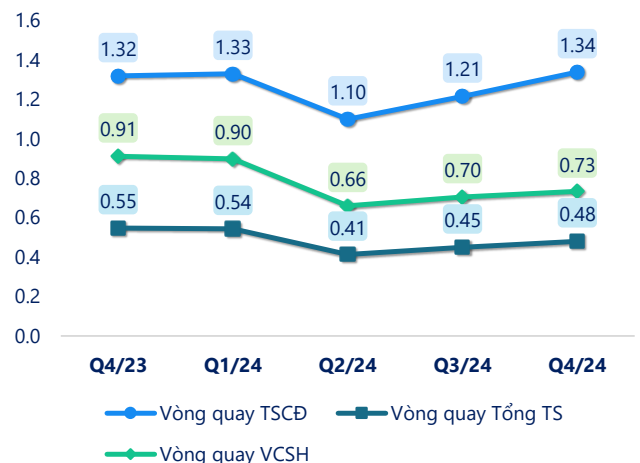
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	648	646	1,247	1,241	1,213
Tài sản ngắn hạn	272	253	572	578	598
Tiền và tương đương tiền	64.5	32.9	47.3	33.6	48.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.8	3.82	29.1	47.1	49.6
Phải thu ngắn hạn	95.5	131	358	333	351
Hàng tồn kho	42.3	66.2	94.1	121	110
Tài sản ngắn hạn khác	21.3	19.6	44.1	43.8	39.0
Tài sản dài hạn	375	392	674	663	615
Phải thu dài hạn	42.5	42.5	48.0	48.0	42.5
Tài sản cố định	261	262	446	436	407
Bất động sản đầu tư	0	0	75.0	75.0	53.0
Tài sản dở dang	65.0	66.9	72.7	73.3	72.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	20.1	24.8	24.8	39.1
Tài sản dài hạn khác	5.87	0.58	4.11	2.75	1.45
Lợi thế thương mại	0	0	3.98	3.87	0
Nợ phải trả	246	233	444	430	395
Nợ ngắn hạn	170	163	283	280	258
Vay và nợ thuê ngắn hạn	162	156	244	230	237
Phải trả người bán ngắn hạn	4.59	4.19	30.6	30.3	14.1
Nợ dài hạn	75.7	69.8	162	150	137
Vay và nợ thuê dài hạn	75.5	69.7	162	150	137
Nguồn vốn chủ sở hữu	402	413	802	812	818
Vốn chủ sở hữu	402	413	802	812	818
Vốn điều lệ	300	300	600	600	600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)